

Bản án số: 300/2018/DS-PT

Ngày: 06-11-2018

"V/v tranh chấp dân sự về ranh
giới quyền sử dụng đất"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Giao.

Các Thẩm phán: Ông Sỹ Danh Đạt.

Ông Bùi Văn Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Phạm Thị Thanh Hương – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 180/2018/TLPT-DS ngày 06 tháng 9 năm 2018 về việc: “Tranh chấp dân sự về ranh giới quyền sử dụng đất”;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2018/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố S, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 291/2018/QĐ-PT ngày 20 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 291/2018/QĐ-PT ngày 16 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Ngọc T, sinh năm: 1959;

Địa chỉ: Số nhà A, khóm E, phường C, Thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Bà Phan Thị Đ, sinh năm: 1957;

Địa chỉ: Số nhà D, khóm E, phường C, Thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị Bích T1, sinh năm: 1953;

Địa chỉ: Số nhà G, khóm E, phường C, Thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

3.2. Ủy ban nhân dân Thành phố S, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện theo pháp luật là ông Võ Thanh T2 – Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn H – Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố S, tỉnh Đồng Tháp (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 14/5/2018).

4. Người kháng cáo: Ông Lê Ngọc T (là nguyên đơn trong vụ án).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn Lê Ngọc T ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Kim H1 tại cấp sơ thẩm trình bày:

Phần đất của ông Lê Ngọc T đang quản lý, sử dụng thuộc thửa 342, tờ bản đồ số 6, diện tích 94,9m², loại đất ở đô thị, tọa lạc tại khóm E, phường C, thành phố S, có nguồn gốc trước đây là của ông Lê Văn H2, là anh ruột của ông T, tặng cho ông T vào năm 2005, diện tích tặng cho là 145m², thửa 295, tờ bản đồ 6, nhưng đến ngày 05/06/2013 hai bên mới tiến hành thủ tục sang tên. Ngày 10/7/2013 ông Lê Ngọc T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt giấy CNQSDĐ). Quá trình sử dụng đất, ông T tách thửa chuyển nhượng cho nhiều người, còn lại 35,4m² ông T xin hợp thửa với thửa 171 diện tích 59,5m² nên ngày 11/08/2016 ông Lê Ngọc T được cấp đổi lại thành thửa 342, tờ bản đồ 6, diện tích 94,9m².

Tiếp giáp với đất của ông T là phần đất thửa 236 của bà Phan Thị Đ nhận chuyển nhượng của ông Phan Ngọc T3 vào năm 2008. Trong quá trình sử dụng, ranh giới hai bên đều có làm hàng rào lưới B40 riêng. Khi làm hàng rào, ông T có chừa ra một khoảng đất trống khoảng 0,4m đến 0,5m. Năm 2015 bà Đ tháo dỡ hàng rào của bà Đ xây lại 01 hàng rào bằng gạch dài khoảng 4m, cao 1,6m lấn chiếm qua sát hàng rào của ông T ngang phía trước 0,5m, ngang phía sau 0,32m, chiều dài 15,35m, diện tích 6,293m², do quá trình bà Đ xây hàng rào có che tấm mũ cao nên bên phía ông T không biết, khoảng 10 ngày sau khi xây xong, ông T phát hiện nên phát sinh tranh chấp cho đến nay.

Tại phiên tòa hôm nay, ông T ủy quyền cho bà H1 chỉ yêu cầu xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa đất ông T và đất bà Đ trong phạm vi ranh giới ông T và bà Đ được cấp giấy CNQSDĐ, cụ thể bà H1 yêu cầu xác định ranh đất giữa đất ông T với đất bà Đ là đường thẳng nối từ các mốc b-7-n theo sơ đồ đo đạc điều chỉnh bổ sung ngày 23/07/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố S (viết tắt Chi nhánh VPĐKĐĐ). Trên cơ sở đó, bà Đ phải tháo dỡ, di dời công trình lấn chiếm như: Bức tường rào, sê nô căn nhà bà Đ để trả lại đất cho ông T. Ông T không đồng ý hỗ trợ chi phí tháo dỡ, di dời cho bà Đ.

Đối với phần đất ông T giáp với đất bà T1 theo ranh cấp giấy CNQSDĐ và phần đất giáp đất công thể hiện theo sơ đồ đo đạc của Chi nhánh VPĐKĐĐ, ông T không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra ông T không còn yêu cầu gì khác.

- Bị đơn Phan Thị Đ trình bày:

Phần đất bà Đ đang quản lý, sử dụng thuộc thửa 236, tờ bản đồ số 06, diện tích 132,7m², có nguồn gốc của ông Phan Ngọc T3 chuyển nhượng cho bà Đ vào năm 2008. Bà Đ đã được cấp giấy CNQSDĐ vào ngày 27/12/2008, trước khi cấp giấy CNQSDĐ địa chính có đo đạc và chủ đất cũ của ông T là ông H2 có ký giáp ranh, vì thời điểm đó đất của ông T vẫn còn của ông H2 đứng tên nên giữa ông H2 và chủ đất cũ của bà Đ, là ông T3, có xác định ranh với nhau và cắm trụ đá thể hiện tại các mốc 1-2-3 theo sơ đồ đo đạc của Chi nhánh VPĐKĐĐ hiện nay. Sau khi nhận chuyển nhượng, cũng trong năm 2008 bà Đ xây cất căn nhà ở, trước khi cất nhà, cũng có chủ đất cũ của ông T và bà Đ xác định ranh đất cho bà Đ cất nhà, bên ông T không có tranh chấp gì. Căn nhà của bà Đ cũng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà vào ngày 26/02/2009.

Quá trình sử dụng đất, phần giáp ranh đất với ông T đã có hàng rào trụ đá của ông T. Năm 2015 bên bà Đ xây hàng rào ngay vị trí ranh cũ, sát với hàng rào trụ đá ranh của ông T. Sau khi bà Đ xây xong, bên ông T đập bỏ trụ đá ranh của ông T cắm trước đây. Đến năm 2016 ông T chuyển nhượng một phần đất cho bà T1, thì ông T phát sinh tranh chấp ranh đất với bà Đ. Tại Ủy ban nhân dân phường C, sau khi hòa giải bên ông T không tranh chấp nữa. Sau đó, ông T về tiếp tục tiến hành thủ tục chuyển nhượng đất cho bà T1, sau khi chuyển nhượng xong, ông T lại tiếp tục làm đơn tranh chấp với bà Đ. Trong quá trình giải quyết, ông T xây dựng nhà bếp sát bức tường ranh của bà Đ, mặc dù địa phương không cho phép, nhưng ông T vẫn xây dựng và sau đó tiếp tục gửi đơn tranh chấp đến Tòa án cho đến nay.

Hiện trạng ranh giới 2 thửa đất, có một hàng rào ranh bên bà Đ xây dựng khoảng 2015 trên cơ sở trụ đá ranh đã được chủ đất cũ xác định. Còn ông T năm 2017 đã xây dựng bức tường nhà bếp sát hàng rào của bà Đ.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Đ cũng thay đổi ý kiến, chỉ yêu cầu xác định ranh giới QSD đất giữa đất ông T và đất bà Đ trong phạm vi ranh giới ông T và bà Đ được cấp giấy CNQSDĐ, cụ thể lấy tại vị trí bức tường ranh của bà Đ tại các mốc c-2-2a-2b-k theo sơ đồ đo đạc điều chỉnh bổ sung ngày 23/07/2018 của Chi nhánh VPĐKĐĐ để làm ranh giới hai bên. Do đó, bà Đ không đồng ý theo yêu cầu của ông T. Trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông T thì bà Đ tự tháo dỡ di dời tài sản trên đất tranh chấp, không yêu cầu bồi thường.

Đối với phần đất còn lại của bà Đ giáp với đất bà T1 và phần đất ngoài phạm vi cấp giấy CNQSDĐ, giáp đất công, bà Đ không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- *Tại biên bản lời khai, người có quyền và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bích T1 trình bày:*

Bà T1 không có yêu cầu hay tranh chấp gì với ông T và bà Đ trong vụ kiện tranh chấp ranh đất giữa ông T và bà Đ. Trường hợp giữa bà T1, ông T và bà Đ có phát sinh tranh chấp sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ kiện khác. Bà T1 yêu cầu không tham gia tố tụng trong vụ kiện và không có yêu cầu gì khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân Thành phố S do ông Nguyễn Văn H là đại diện theo ủy quyền trình bày tại cấp sơ thẩm:

Trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Ngọc T thửa 342, tờ bản đồ 06 và bà Phan Thị Đ thửa 236, tờ bản đồ 6 là đúng quy định pháp luật. Do đó, đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật, Ủy ban không có yêu cầu gì thêm trong vụ kiện.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2018/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố S, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định tuyên xử:

- Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Ngọc T, ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Kim H1, về việc yêu cầu xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa đất của ông Lê Ngọc T tại thửa 342, tờ bản đồ 6 diện tích 94,9m² với thửa đất 236, tờ bản đồ 6, diện tích 132,7m² của bà Phan Thị Đ là một đường thẳng nối từ các mốc b-7-n theo sơ đồ đo đạc điều chỉnh bổ sung ngày 23/07/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S và trên cơ sở đó, yêu cầu bà Phan Thị Đ phải tháo dỡ, di dời công trình đã xây dựng để trả lại diện tích lấn chiếm 5,2m².

- Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa đất của ông Lê Ngọc T tại thửa 342, tờ bản đồ 6, diện tích 94,9m² với thửa đất 236, tờ bản đồ 6, diện tích 132,7m² của bà Phan Thị Đ là một đường thẳng nối từ các mốc c-2-2a-2b-k theo sơ đồ đo đạc điều chỉnh bổ sung ngày 23/07/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S (có sơ đồ đo đạc kèm theo).

- Trên cơ sở xác định ranh giới quyền sử dụng đất nêu trên, các đương sự có quyền và nghĩa vụ sử dụng đúng ranh giới quyền sử dụng đất đã được bản án của Tòa án xác định theo chiều thẳng đứng không gian và lòng đất theo quy định pháp luật và có trách nhiệm di dời tài sản trên đất tranh chấp (nếu có).

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lê Ngọc T nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Số tiền tạm ứng án phí ông Lê Ngọc T đã nộp theo các biên lai số 13482 ngày 30/03/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự Thành phố S sẽ được chuyển thành án phí ông T phải nộp.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá:

Ông Lê Ngọc T nộp toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá số tiền 3.167.000 đồng (đã nộp xong).

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự theo luật định.

Ngày 08 tháng 8 năm 2018, nguyên đơn Lê Ngọc T kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm đã xét xử.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Lê Ngọc T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp ý kiến về vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Ngọc T; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 30/2018/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố S, tỉnh Đồng Tháp; Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa đất của ông Lê Ngọc T tại thửa 342 với thửa đất 236 của bà Phan Thị Đ là một đường thẳng nối từ các mốc c, 2, 2a, 2b đến mốc k theo sơ đồ đo đạc ngày 23/07/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S làm ranh với nhau.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Các đương sự có mặt tại phiên tòa. Đại diện của Ủy ban nhân dân Thành phố S và bà Nguyễn Thị Bích T1 đã được Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử trong vụ án này, nhưng cố tình vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà T1 theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Lê Ngọc T trong vụ án này là yêu cầu Tòa án xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa đất ông T tại thửa số 342, tờ bản đồ 6 diện tích 94,9m² với thửa đất 236, tờ bản đồ 6 diện tích 132,7m² của bà Phan Thị Đ là một đường thẳng nối từ các mốc b-7-n theo sơ đồ đo đạc điều chỉnh bổ sung ngày 23/07/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố S. Trên cơ sở đó, yêu cầu bà Đ phải tháo dỡ di dời tài sản trên đất, bức tường rào, sê nô nhà bà Đ giáp bên đất ông T, để trả lại diện tích lấn chiếm là 5,2m² cho ông T sử dụng và ông T không đồng ý bồi thường hay hỗ trợ chi phí tháo dỡ, di dời cho bà Đ. Phía bà Đ không đồng ý trả đất theo yêu cầu của ông T, vì bà Đ cho rằng không có lấn chiếm diện tích đất trên của ông T.

[3] Ông Lê Ngọc T có sử dụng phần đất thuộc thửa số 342, tờ bản đồ 6 diện tích 94,9m², đất ở đô thị; Liên kề với thửa đất số 342 của ông T thì bà Phan Thị Đ có sử dụng phần đất thuộc thửa số 236, tờ bản đồ 6 diện tích 132,7m², đất ở đô thị và cây lâu năm. Các thửa đất trên tọa lạc tại khóm E, phường C, Thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

[4] Phần diện tích đất tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất giữa ông Lê Ngọc T với bà Phan Thị Đ trong vụ án này là 5,2m² được thể hiện tại các mốc 1,

2, 5, 4 về mốc 1. Số đo, vị trí, tứ cận, diện tích của các thửa đất số 342, số 236 và diện tích tranh chấp 5,2m² trên được xác định theo Sơ đồ đo đạc điều chỉnh bổ sung ngày 23/07/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S, Đồng Tháp.

[5] Theo nội dung kháng cáo cũng như tại phiên tòa phúc thẩm thì phía nguyên đơn Lê Ngọc T yêu cầu bà Phan Thị Đ di dời công trình kiến trúc và tài sản trên đất tranh chấp để trả lại cho ông T diện tích 5,2m² được thể hiện tại các mốc 1, 2, 5, 4 về mốc 1 và ông T yêu cầu Tòa án xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa đất ông T tại thửa số 342 với thửa đất số 236 của bà Đ là một đường thẳng nối từ các mốc b-7-n theo sơ đồ đo đạc ngày 23/07/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố S, vì phía ông T cho rằng phần diện tích đất tranh chấp trên là đất thuộc quyền sử dụng nằm trong thửa đất số 342 của ông T mà bà Đ lấn chiếm để sử dụng.

[6] Xét qua nội dung kháng cáo cũng như lời trình bày và yêu cầu trên của ông T là không có căn cứ nên không được chấp nhận, bởi lẽ: Trong quá trình thu thập chứng cứ của Tòa án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay thì phía ông T không có tài liệu hay chứng cứ gì khác để chứng minh là phía bà Đ đã lấn chiếm diện tích 5,2m² trên của ông T, mà diện tích 5,2m² đang tranh chấp trên là nằm trong thửa đất số 236, tờ bản đồ số 06 của bà Đ đã nhận chuyển nhượng của ông Phan Ngọc T3 vào năm 2008 và trong diện tích tranh chấp trên thì phía bà Đ đã sử dụng xây dựng ở phía trước một bức tường hàng rào nhà có chiều cao khoảng 1,55m nối tiếp phía sau là hàng rào trụ đá chạy dài hết đất bà Đ và ở phía trước này trên không gian ngay vị trí vách tường của bà Đ thẳng lên thì bà Đ cũng đã xây dựng sê nô căn nhà chính của bà Đ dính vào diện tích tranh chấp hiện nay và việc bà Đ xây dựng sê nô nhà này từ khi nhận chuyển nhượng đất của ông T3 vào năm 2008 cho đến nay (bà Đ xây dựng nhà trước khi ông T được cấp giấy đối với thửa 342); Đồng thời, bên phía ông T vào năm 2017 có xây dựng vách tường nhà bếp giáp sát hàng rào tường của bà Đ ở phía trước và nối tiếp vách tường nhà bếp là hàng rào xây dựng bằng gạch cao 1,5m và lưới B40 chạy dài hết đất của ông T chạy dài đến giáp với đất bà T1 là trụ đá và việc ông T xây hàng rào trên là xây ngay vị trí từ các mốc c, 2, 2a, 2b, k (các mốc do bà Đ xác định ranh). Như vậy, ranh giới giữa hai thửa đất của ông T và bà Đ thì mỗi bên đã có xây hàng rào kiên cố làm ranh với nhau và đã được sử dụng ổn định không ai tranh chấp trong lúc hai bên xây dựng hàng rào. Điều đó cho thấy ranh đất giữa đất của ông T với đất của bà Đ mỗi bên đã có vách tường để làm ranh với nhau. Quá trình sử dụng đất, ông T cho rằng bà Đ sử dụng đất lấn ranh qua đất ông T diện tích 5,2m², nhưng ông T không có chứng cứ gì chứng minh. Mặt khác, ranh đất bà Đ đã được ông H2 là chủ đất cũ của ông T và ông T3 là chủ đất cũ của bà Đ xác định ranh đất trước đây và đã được cắm trụ đá tại các mốc c-2-2a-2b-k ngay vị trí bà Đ xác định ranh hiện nay. Bên cạnh đó, năm

2017 phía đất ông T thì ông T cũng đã có xây cất nhà bếp bằng tường sát vách tường ranh bên bà Đ và chạy dài theo đất là có hàng rào xây bằng gạch của ông T và ông T đã kéo lưới B40 chạy dài hết đất giáp với trụ đá giáp ranh giữa đất ông T, bà T1 và bà Đ. Như vậy, quá trình sử dụng đất ông T cũng đã xác định ranh đất của ông T với đất bà Đ là ngay vị trí các mốc c-2-2a-2b-k (ngay vị trí mí vách tường nhà bếp của ông T) để làm ranh với nhau. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông T cho rằng bà Đ lấn ranh đối với diện tích 5,2m² trên của ông T là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[7] Từ những nhận định và phân tích trên, xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa đất của ông Lê Ngọc T tại thửa 342, tờ bản đồ 6 với thửa đất 236, tờ bản đồ 6 của bà Phan Thị Đ là một đường thẳng nối từ các mốc c, 2, 2a, 2b đến mốc k theo sơ đồ đo đạc điều chỉnh bổ sung ngày 23/07/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S làm ranh với nhau.

[8] Từ những nhận định và phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của ông T là không có căn cứ nên không được chấp nhận. Đồng thời, giữ nguyên bản án sơ thẩm là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tại phiên tòa phúc thẩm là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của ông T không được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 và khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[11] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu khởi kiện của ông T không được chấp nhận nên ông T phải chịu toàn bộ tiền chi phí xem xét, thẩm định và định giá là 3.167.000 đồng (ông T đã nộp xong).

[12] Các phần khác của phần quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148, Điều 228, khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 99, Điều 100, Điều 166, Điều 203 Luật đất đai năm 2013;
- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Ngọc T.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2018/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

3. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Ngọc T về việc tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất với bà Phan Thị Đ.

4. Ranh giới quyền sử dụng đất giữa đất của ông Lê Ngọc T tại thửa 342, tờ bản đồ 6 với thửa đất 236, tờ bản đồ 6 của bà Phan Thị Đ được xác định là một đường thẳng nối từ các mốc c, 2, 2a, 2b đến mốc k (vị trí mốc c là ngay mí vách tường nhà bếp ông T thẳng đến mốc k) theo sơ đồ đo đạc điều chỉnh bổ sung ngày 23/07/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S (có sơ đồ đo đạc kèm theo).

5. Trên cơ sở xác định ranh giới quyền sử dụng đất nêu trên, các đương sự có quyền và nghĩa vụ sử dụng đúng ranh giới quyền sử dụng đất đã được bản án của Tòa án xác định theo chiều thẳng đứng trên không gian, mặt đất và lòng đất theo quy định của pháp luật và có trách nhiệm di dời tài sản ra khỏi phạm vi đường ranh tranh chấp (nếu có).

6. Về án phí:

- Ông Lê Ngọc T nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà ông T đã nộp theo các biên lai số 13482 ngày 30/03/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự Thành phố S, Đồng Tháp (ông T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm).

- Ông Lê Ngọc T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà ông T đã nộp theo biên lai thu số: 0004736 ngày 08/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố S, tỉnh Đồng Tháp (ông T đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm).

7. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá: Ông Lê Ngọc T phải chịu toàn bộ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá là 3.167.000 đồng (ông T đã nộp xong).

8. Các phần khác của phần quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

9. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND thành phố S;
- CCTHADS thành phố S;
- Phòng KTNV-THA TAND Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Phạm Ngọc Giao